

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thanh Thủy.
- Ông Hoàng Trọng Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 Toà án nhân dân Huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 72/2023/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hằng Thị X, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn Khe K, xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Sùng A T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn BC, xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Hằng Thị X: Bà Phan Thị Kim Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hằng Thị X trong đơn khởi kiện và bản tự khai trình bày: Chị và anh Sùng A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn BC, xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chị X và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên uống rượu say và đã nhiều lần chửi, thậm chí đánh chị X, đến tháng 6/2022 chị X đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Khe Kẹn, xã CT để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị X và anh T có 02 con chung là cháu Sùng Minh Đ, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Sùng Quân H, sinh ngày 19/02/2019. Chị Hằng Thị X có nguyện vọng khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi cháu H và để anh T nuôi cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sùng A T trong bản tự khai trình bày: Anh và chị Hằng Thị X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/3/2021 tại UBND xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn BC, xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi nghĩa vụ quân sự chị X ở nhà ngoại tình, đến năm 2022 sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về anh T đã khuyên bảo chị X nhiều lần nhưng chị X không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh Sùng A T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị X xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Chị X và anh T có 02 con chung là cháu Sùng Minh Đ, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Sùng Quân H, sinh ngày 19/02/2019. Nếu chị Hằng Thị X cương quyết xin ly hôn, anh Sùng A T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2023 trưởng thôn BC, xã CT cho biết: Anh Sùng A T và chị Hằng Thị X có đăng ký kết hôn năm 2021. Sau khi kết hôn thì anh T và chị X chung sống tại thôn BC, xã CT. Vợ chồng anh T và chị X chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi nghĩa vụ quân sự, chị X ở nhà có quan hệ với người đàn ông khác, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, đánh nhau nhiều lần. Chị X đã chuyển sang nhà bố mẹ đẻ ở. Về con chung chị X và anh T có 02 con chung là cháu Sùng Minh Đ và cháu Sùng Quân H. Hiện cháu Đ đang ở cùng anh T tại thôn BC, xã CT còn cháu H đang ở cùng chị X tại thôn Khe K, xã CT huyện V.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng Thị X với anh Sùng A T.

+ Về con chung: Giao cháu Sùng Quân H, sinh ngày 19/02/2019 cho chị Hằng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Sùng Minh Đ, sinh ngày 09/12/2016 cho anh Sùng A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hằng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hằng Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hằng Thị X, xử cho chị Hằng Thị X được ly hôn anh Sùng A T.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Sùng Quân H cho chị Hằng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Sùng Minh Đ cho anh Sùng A T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Chị Hằng Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Sùng A T có đăng ký hộ khẩu tại Thôn BC, xã CT huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Sùng A T vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến

lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Hằng Thị X vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Hằng Thị X và anh Sùng A T.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Chị Hằng Thị X và anh Sùng A T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị Hằng Thị X và anh Sùng A T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, anh T thường xuyên uống rượu say vợ chồng nhiều lần chửi đánh nhau, đến tháng 6/2022 chị X đã phải bỏ về nhà bố mẹ để dễ sinh sống. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng Thị X phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hằng Thị X và anh Sùng A T có 02 con chung là cháu Sùng Minh Đ, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Sùng Quân H, sinh ngày 19/02/2019. Ly hôn chị X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi con của chị X và anh T là chính đáng, hiện tại cháu H đang ở cùng chị X, cháu Đ đang ở cùng anh T. Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ hợp pháp cho người phụ nữ và chăm sóc con chưa thành niên khi ly hôn thì việc giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sùng Quân H, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Minh Đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Hằng Thị X và anh Sùng A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hằng Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hằng Thị X được ly hôn anh Sùng A T.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Quân H, sinh ngày 19/02/2019 cho chị Hằng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Sùng Minh Đ, sinh ngày 09/12/2016 cho anh Sùng A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hằng Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003628 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện V, tỉnh Yên Bái, chị Hằng Thị X đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Hằng Thị X và anh Sùng A T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND Huyện V;
- Chi cục THADS Huyện V;
- UBND xã CT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long